SỞ GDĐT ĐẮK LẮK
TRƯỜNG PTDTNT THPT N' TRANG LƠNG
Số: 135/TB-DTNTNTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Kết quả tuyển sinh lớp 10 và nộp hồ sơ trúng tuyển năm học 2026 - 2027

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-SGDĐT ngày 21/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc công bố điểm chuẩn và số lượng trúng tuyển Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026-2027,

Trường PTDTNT THPT N'Trang Lơng thông báo kết quả tuyển sinh lớp 10 và hướng dẫn thủ tục nộp hồ sơ nhập học cụ thể như sau:

1. Danh sách trúng tuyển lớp 10 năm học 2026 – 2027

- Nhà trường công bố danh sách thí sinh trúng tuyển lớp 10 năm học 2026 - 2027 kèm theo thông báo này.

- Phụ huynh và học sinh có thể chủ động tra cứu kết quả trên Hệ thống tuyển sinh trực tuyến của Sở GDĐT Đắk Lắk tại địa chỉ: https://daklak.tsdc.edu.vn/ (vào mục *Tra cứu trúng tuyển* -> nhập *Mã học sinh* và *Mã bảo mật* để xem chi tiết kết quả.

2. Xác nhận trúng tuyển trên hệ thống trực tuyến

- Trước khi nộp hồ sơ trực tiếp tại trường, cha mẹ học sinh (CMHS) bắt buộc phải truy cập vào Hệ thống tuyển sinh trực tuyến https://daklak.tsdc.edu.vn/ để thực hiện thao tác xác nhận nhập học trực tuyến.

- Tại giao diện tra cứu kết quả của học sinh trúng tuyển (Trạng thái hiển thị: Đạt), CMHS nhấn chọn nút "Xác nhận nhập học".

- Thời hạn hoàn thành: Trực tuyến trên hệ thống phải hoàn thành trước ngày 25/6/2026.

* *Lưu ý:* Sau thời gian quy định trên, nếu học sinh không xác nhận nhập học trên hệ thống trực tuyến xem như không trúng tuyển (từ chối nhập học).

3. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ trực tiếp

- Thời gian nhận hồ sơ: Ngày 26/6/2026 (Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00; Buổi chiều từ 14h00 đến 17h00).

- Địa điểm tiếp nhận: Văn phòng Hội đồng tuyển sinh – Trường PTDTNT THPT N'Trang Lơng.

- Địa chỉ: Số 694/26, đường Võ Văn Kiệt, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk.

* Lưu ý: Nhà trường chỉ nhận hồ sơ trúng tuyển của những học sinh đã hoàn thành xác nhận nhập học trực tuyến và chỉ thu nhận trong ngày 26/6/2026. Quá thời hạn trên nhà trường sẽ từ chối tiếp nhận hồ sơ.

4. Thành phần hồ sơ nhập học

Khi đến nộp hồ sơ trực tiếp, học sinh phải mang theo đầy đủ các giấy tờ sau (bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) để Hội đồng tuyển sinh rà soát, đối chiếu dữ liệu:

(1) Giấy khai sinh (Bản photo kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

(2) Học bạ số cấp THCS (Trường hợp chưa có Học bạ số thì sử dụng Học bạ giấy);

(3) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (đối với học sinh tốt nghiệp năm học 2025 - 2026) hoặc Bằng tốt nghiệp THCS (đối với học sinh tốt nghiệp các năm trước);

(4) Thẻ Căn cước/CCCD hoặc thông tin Định danh cá nhân, minh chứng hợp pháp khác về cư trú của học sinh (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, hoặc qua ứng dụng VNeID);

(5) Bản chính Sơ yếu lý lịch dành cho học sinh dự tuyển vào trường (có xác nhận của UBND xã/phường nơi cư trú về thông tin và thời gian cư trú từ 36 tháng liên tục trở lên của học sinh và cha/mẹ/người giám hộ);

(6) Giấy tờ, minh chứng hưởng chế độ ưu tiên, cộng điểm khuyến khích hoặc diện tuyển thẳng do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

(7) 04 ảnh cỡ 4x6 cm (chụp không quá 6 tháng, ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau ảnh).

4. Sau 17 giờ 00 ngày 26/6/2026, học sinh trong danh sách trúng tuyển không đến làm thủ tục nhập học và không xác nhận nhập học trên hệ thống, nhà trường sẽ làm Tờ trình đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk chuẩn y học sinh có vị thứ liền kề vào danh sách trúng tuyển bổ sung, thay thế những học sinh không đến làm thủ tục nhập học.

5. Hướng dẫn tư vấn và đăng ký trực tuyến tổ hợp môn học lựa chọn

a) Năm học 2026 - 2027, nhà trường thực hiện phân lớp dựa trên việc đăng ký nguyện vọng tổ hợp môn học lựa chọn và cụm chuyên đề của học sinh qua hệ thống trực tuyến (Google Form/Link của trường) ngay tại buổi nhập học.

Để việc đăng ký diễn ra nhanh chóng và chính xác dưới sự hướng dẫn của Tổ tư vấn, nhà trường yêu cầu học sinh và CMHS chuẩn bị sẵn ở nhà các thông tin sau:

- Địa chỉ Email (Gmail): Phải là Gmail đang hoạt động ổn định và nhớ mật khẩu đăng nhập (bắt buộc dùng để đăng nhập vào biểu mẫu đăng ký nguyện vọng).

- Số điện thoại liên lạc: Chuẩn bị chính xác 02 số điện thoại (01 số của học sinh và 01 số của cha hoặc mẹ) để tích hợp vào hệ thống quản lý, liên lạc điện tử của nhà trường.

- Thông tin cá nhân chính xác: Chuẩn bị sẵn Mã học sinh (mã tra cứu tuyển sinh), số định danh cá nhân (12 số trên Căn cước), nơi sinh, địa chỉ thường trú và cư trú hiện tại (để điền thông tin nhanh, không mất thời gian tìm kiếm).

b) Quy trình thực hiện tại trường (ngày 26/6/2026):

- Bước 1: Học sinh và CMHS nghe Tổ tư vấn của nhà trường hướng dẫn chi tiết về cấu trúc 06 nhóm môn học lựa chọn dự kiến (theo Kế hoạch số 81/KH-DTNTNTL) và định hướng nghề nghiệp phù hợp.

- Bước 2: Học sinh dùng điện thoại cá nhân quét mã QR (được dán tại bàn đón tiếp) hoặc truy cập vào đường link biểu mẫu do giáo viên hướng dẫn cung cấp.

- Bước 3: Sử dụng các thông tin đã chuẩn bị sẵn ở nhà để điền vào form trực tuyến và tiến hành chọn tối đa 03 nguyện vọng ưu tiên (Nguyện vọng 1, Nguyện vọng 2, Nguyện vọng 3).

* *Lưu ý:* Nhà trường sẽ căn cứ vào chỉ tiêu của từng tổ hợp và nguyện vọng đăng ký trực tuyến tại buổi nhập học của học sinh để tiến hành xét, sắp xếp lớp học.

Trường PTDTNT THPT N'Trang Lơng thông báo để quý phụ huynh và các em học sinh trúng tuyển được biết, nghiêm túc phối hợp thực hiện đúng nội dung và thời gian quy định./.

***Nơi nhận**:*
- Đảng uỷ *(để báo cáo);*
- Lãnh đạo Trường (*để chỉ đạo);*
- Đăng Webside*;*
- Đoàn Thanh niên;
- Lưu: VT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG N'TRANG LƠNG

Phan Văn Xuân

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG PTDTNT THPT N' TRANG LƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 TRƯỜNG PTDTNT THPT N' TRANG LƠNG NĂM HỌC 2026 - 2027
(Kèm theo Thông báo số 135/TB-DTNTNTL ngày 23/6/2026 của Trường PTDTNT THPT N'Trang Lơng)

Số TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS/ TH&THCS	Điểm Ngoại ngữ	Điểm Văn	Điểm Toán	UT/KK	Tổng điểm
1		NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	17/04/2011	THCS Lê Đình Chinh					Tuyển thẳng
2		TRẦN THỊ KHÁNH NHƯ	Nữ	28/08/2011	THCS Hồ Tùng Mậu					Tuyển thẳng
3		ĐẶNG THỊ LY NA	Nữ	23/03/2011	THCS Quang Trung					Tuyển thẳng
4		NGUYỄN ĐINH NGỌC ANH	Nữ	14/01/2011	PTDTNT THCS Ea Súp					Tuyển thẳng
5		NGUYỄN NGỌC THÁI	Nam	10/04/2011	PTDTNT THCS Ea Súp					Tuyển thẳng
6		LÊ BẢO NGỌC	Nữ	26/07/2011	THCS Lê Đình Chinh					Tuyển thẳng
7	040441	LÒ THÙY VI	Nữ	18/06/2011	THCS Đào Duy Từ	8	8.5	8.25	1	25.75
8	040414	HỨA THỊ THÙY TRANG	Nữ	16/02/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	7.75	8.5	8.25	1	25.50
9	040277	TRẦN GIA NGHĨA	Nam	06/06/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.75	8.25	8.5	1	25.50
10	040453	NGÂN NHƯ Ý	Nữ	21/02/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	6.75	8.25	8	1	24.00
11	040126	NGUYỄN TRIỆU THANH HÀ	Nữ	30/07/2011	THCS Huỳnh Thúc Kháng	8	9	5.75	1	23.75
12	040449	NGUYỄN KHÁNH VY	Nữ	14/10/2011	THCS Trần Hưng Đạo	7.75	8	6.75	1	23.50
13	040304	HUỲNH THỊ TÂM NHƯ	Nữ	28/08/2011	THCS Ea Lê	6.5	7.75	8	1	23.25
14	040259	NGUYỄN NGỌC DU MY	Nữ	26/11/2011	PTDTNT THCS Huyện Ea Súp	7.5	8	6.75	1	23.25
15	040158	TRIỆU VƯƠNG HỒNG	Nữ	10/09/2011	THCS 719	6.25	7.5	8.25	1	23.00
16	040025	PHẠM GIA BẢO	Nam	14/12/2011	THCS Vụ Bổn	7.25	7	7.75	1	23.00
17	040333	ĐINH DU PHONG	Nam	22/08/2011	THCS Lê Đình Chinh	7	7.25	7.5	1	22.75
18	040227	TRIỆU PHƯƠNG LINH	Nữ	17/03/2011	THCS Trần Bình Trọng	7.25	7.5	7	1	22.75
19	040046	H' NGUYỆN BYĂ	Nữ	02/01/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	6.75	8.25	6.75	1	22.75
20	040280	LINH THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	01/04/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	7	7.5	7.25	1	22.75
21	040193	QUÁCH PHÚC KHIÊM	Nam	05/09/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	8	5.75	7.75	1	22.50
22	040406	ĐINH THỊ BẢO THY	Nữ	03/09/2011	THCS Lê Lợi	6.25	7	8	1	22.25
23	040226	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	20/06/2011	THCS Và THPT Tây Nguyên	6.5	7.5	7.25	1	22.25
24	040020	H MICHÊ AYŨN	Nữ	26/07/2011	THCS Ea Phê	6	8.25	6.75	1	22.00
25	040003	TRƯƠNG QUỐC ÁI	Nam	15/02/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	6	6.75	8.25	1	22.00
26	040038	THIÊN NHI BKRÔNG	Nữ	14/02/2011	THCS Đào Duy Từ	6.25	7.5	7.25	1	22.00
27	040006	LÊ HOÀNG BÌNH AN	Nữ	14/11/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	5.75	6.5	8.75	1	22.00
28	040289	HOÀNG VĂN NHÃ	Nam	01/01/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	6	7	8	1	22.00
29	040260	QUÁCH HÀ MY	Nữ	22/06/2011	THCS Trần Bình Trọng	6	7.5	7.25	1	21.75
30	040248	NGUYỄN THỊ HOÀNG MINH	Nữ	18/11/2011	THCS Quang Trung	6.5	8	6	1	21.50
31	040174	VY THỊ DIỆU HƯƠNG	Nữ	22/05/2011	THCS Ea Phê	5.5	7.5	7.5	1	21.50
32	040415	NGUYỄN NGỌC NGUYÊN TRANG	Nữ	16/11/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	7	7	6.5	1	21.50
33	040444	TRẦN CÔNG VINH	Nam	13/11/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.5	5.5	8.5	1	21.50
34	040274	TRƯƠNG KIM NGÂN	Nữ	03/09/2011	THCS Lê Đình Chinh	7	7.5	5.75	1	21.25
35	040063	TRẦN NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	01/03/2011	THCS Ea Lê	6	7.5	6.75	1	21.25
36	040257	H' MƯƠNG NIÊ	Nữ	02/05/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	7.25	6.25	6.75	1	21.25
37	040203	LÊ TIẾN ĐẠT KNUL	Nam	29/07/2011	THCS Trung Hòa	5.75	7.5	7	1	21.25
38	040246	HỒ BÙI THANH MINH	Nam	17/06/2011	THCS Ea Lê	7.25	6.25	6.75	1	21.25
39	040134	H THIÊN HÂN NIÊ	Nữ	11/09/2011	THCS Nguyễn Tất Thành	7	7.5	5.5	1	21.00
40	040344	TRẦN DUY QUANG	Nam	07/02/2011	THCS Lý Tự Trọng	6.75	7	6.25	1	21.00
41	040221	CAO KHÁNH LINH	Nữ	18/03/2011	THCS Lê Đình Chinh	6.75	7.75	5.25	1	20.75
42	040125	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	Nữ	28/03/2011	THCS Võ Thị Sáu	6.5	7.5	5.75	1	20.75
43	040156	PHẠM THỊ THU HOÀI	Nữ	15/06/2011	THCS Vụ Bổn	5.25	7.75	6.75	1	20.75
44	040189	LỤC DUY KHÁNH	Nam	22/03/2011	THCS Hòa Phú	6.5	7.5	5.75	1	20.75
45	040418	NGÔ NGỌC TRÂM	Nữ	27/07/2011	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	6	8	5.5	1	20.50
46	040154	LÝ MỸ HOÀ	Nữ	20/11/2011	THCS CưPui	6.5	8	4.75	1	20.25
47	040402	TRẦN LƯU SONG THƯ	Nữ	02/09/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	5.25	7.75	6.25	1	20.25
48	040427	LÒ ANH TUẤN	Nam	09/05/2011	THCS Hòa Phú	5	8	6.25	1	20.25
49	040390	LÊ THỊ ANH THƠ	Nữ	26/05/2011	THCS Lê Đình Chinh	6.25	7.75	5.25	1	20.25
50	040013	TRẦN CAO HÀ ANH	Nữ	02/12/2011	THCS Lý Tự Trọng	6.25	8.5	4.25	1	20.00
51	040376	LƯU THANH THANH	Nữ	05/11/2011	THCS Trần Hưng Đạo	6.25	7	5.75	1	20.00
52	040010	HÀ NGÔ HOÀNG ANH	Nam	26/05/2011	THCS Lê Quý Đôn	6.25	6.25	6.5	1	20.00
53	040300	ĐẶNG TUYẾT NHUNG	Nữ	02/05/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	5.75	7.25	6	1	20.00
54	040128	VÀNG THỊ NGỌC HÀ	Nữ	03/09/2011	TH&THCS Nguyễn Khuyến	5	7	7	1	20.00
55	040335	ĐINH GIA PHÚC	Nam	28/10/2011	THCS Và THPT Tây Nguyên	7	4.5	7.5	1	20.00
56	040423	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	18/06/2011	THCS Quang Trung	5.25	7.25	6.25	1	19.75
57	040447	HOÀNG NGỌC HÀ VY	Nữ	08/05/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	5.5	7	6.25	1	19.75
58	040284	VI THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	23/12/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	6.5	7.25	5	1	19.75
59	040272	LƯƠNG BÍCH NGÂN	Nữ	06/11/2011	THCS Hòa Phú	4.25	7.25	7	1	19.50
60	040117	TRỊNH HOÀNG GIANG	Nữ	17/08/2011	THCS Đào Duy Từ	5	7.25	6.25	1	19.50
61	040168	HÀ KHÁNH HUYỀN	Nữ	21/09/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	5.75	7.25	5.33	1	19.33
62	040243	H' MELISSA BKRÔNG	Nữ	14/12/2011	THCS Lê Quý Đôn	5.25	7.5	5.25	1	19.00
63	040188	LÂM HOÀNG DUY KHÁNH	Nam	04/02/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	5	8.5	4.5	1	19.00
64	040408	NGUYỄN NGỌC THỦY TIÊN	Nữ	07/04/2011	THCS Huỳnh Thúc Kháng	5.25	8.25	4.25	1	18.75
65	040032	BÙI THỊ NGỌC BÌNH	Nữ	25/05/2011	THCS Huỳnh Thúc Kháng	5	7.25	5.5	1	18.75
66	040129	LÝ MINH HẠNH	Nữ	07/01/2011	THCS Quang Trung	4	8	5.75	1	18.75
67	040394	MA NGỌC THÙY	Nữ	07/04/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	3.25	6.75	7.75	1	18.75
68	040191	NÔNG DOÃN KHÁNH	Nam	15/11/2011	THCS Tân Lợi	5.75	6.25	5.75	1	18.75
69	040327	H CHIÊNG MAI NIÊKSƠR	Nữ	05/11/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	7.25	8	2.5	1	18.75
70	040190	LƯƠNG GIA KHÁNH	Nam	02/01/2011	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	5.5	6	6	1	18.50
71	040062	LỘC NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	01/01/2011	THCS Phước An	5.75	6.5	5.25	1	18.50
72	040255	Y TÂN MLÔ	Nam	13/05/2011	THCS Nguyễn Văn Cừ	5.25	6.25	6	1	18.50
73	040192	TRẦN GIA KHÁNH	Nam	27/04/2011	TH&THCS Nguyễn Khuyến	5.25	6.5	5.75	1	18.50
74	040278	LÂM KHÁNH NGỌC	Nữ	17/09/2011	THCS Thành Nhất	4.25	7.75	5.25	1	18.25
75	040043	H' ĐUYÊN BYĂ	Nữ	19/01/2011	THCS Trần Hưng Đạo	7.5	7.75	2	1	18.25
76	040089	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	Nam	07/04/2011	THCS Đào Duy Từ	5.5	5.25	6.5	1	18.25

77	040279	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	05/02/2011	THCS Ea Phê	5	7.5	4.5	1	18.00
78	040282	SẦM THỊ MINH NGỌC	Nữ	02/01/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	5	8	4	1	18.00
79	040169	LANG THỊ HUYỀN	Nữ	22/01/2011	THCS Trần Hưng Đạo	6.5	6.75	3.75	1	18.00
80	040216	NÔNG THỊ KIỀU LAM	Nữ	07/12/2011	THCS Lê Lợi	5.25	6.5	5.25	1	18.00
81	040290	DƯƠNG TUYẾT NHI	Nữ	25/06/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	6.5	6.5	4	1	18.00
82	040273	TRIỆU THỊ KIM NGÂN	Nữ	05/07/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	5.75	6.75	4.5	1	18.00
83	040450	TRẦN THỊ KIỀU VY	Nữ	29/05/2011	PTDTNT THCS Lắk	3.75	8	5	1	17.75
84	040378	LƯƠNG TRUNG THÀNH	Nam	17/10/2011	PTDTNT THCS Ea Súp	4.25	7.25	5.25	1	17.75
85	040031	Y BIN ÊBAN	Nam	07/01/2011	THCS Lê Quý Đôn	5.75	7	4	1	17.75
86	040213	Y JUERY KTUL	Nam	22/04/2011	THCS Đào Duy Từ	4.5	7	5.25	1	17.75
87	040132	THẠCH THỊ THANH HẰNG	Nữ	22/07/2011	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	3.5	6.25	6.75	1	17.50
88	040434	H TRANG UÔNG	Nữ	09/06/2011	PTDTNT THCS Lắk	4.5	6.75	5	1	17.25
89	040111	NIÊ QUỲNH ÊBAN	Nữ	30/10/2011	THCS Lê Thị Hồng Gấm	5.25	6.75	4.25	1	17.25
90	040171	H' HƯƠNG ADRÔNG	Nữ	07/04/2011	THCS Trần Quang Diệu	5.75	7.5	3	1	17.25
91	040182	Y - KA - IN - BYĂ	Nam	05/11/2011	TH&THCS Ama Trang Lơng	5.5	6	4.75	1	17.25
92	040307	Y NI ĐAN ÊBAN	Nam	06/11/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	5.75	7	3.25	1	17.00
93	040455	Y HIỆP BUÔN YĂ	Nam	07/01/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	5	7.75	3.25	1	17.00
94	040308	H' HẰN NIÊ	Nữ	10/02/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	6	6.5	3.5	1	17.00
95	040149	H' MOAI HMỐK	Nữ	07/05/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	3.75	7.5	4.5	1	16.75
96	040049	H DIỄU BYĂ	Nữ	04/01/2011	THCS CưPui	4.5	7.5	3.75	1	16.75
97	040361	H'BẢO NGỌC NIÊ SIÊNG	Nữ	30/07/2011	THCS Phan Bội Châu	5.75	6.25	3.75	1	16.75
98	040252	H NASA MLÔ	Nữ	16/11/2011	THCS Nguyễn Chí Thanh	4	7	4.75	1	16.75
99	040176	BELY NIÊ HWING	Nữ	08/04/2011	THCS Nguyễn Chí Thanh	5.5	7.25	3	1	16.75
100	040424	ÊBAN HWING TÚ	Nam	01/11/2011	THCS Và THPT Tây Nguyên	4	6	5.75	1	16.75
101	040175	BẢO LỘC HWING	Nam	14/01/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	3.75	7	4.75	1	16.50
102	040318	VŨ HỮU TRUNG HẬU NIÊ	Nam	20/02/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	2.75	7	5.75	1	16.50
103	040459	Y RAPHAN B.KRÔNG	Nam	10/01/2011	THCS Lê Lợi	2.75	6.5	6.25	1	16.50
104	040319	Y' OWEN - NIÊ	Nam	08/01/2011	THCS Đoàn Thị Điểm	4.75	6.25	4.5	1	16.50
105	040235	CHU THÚY LY ÊBAN	Nữ	07/03/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	4.75	7	3.5	1	16.25
106	040326	Y TÚ NIÊ	Nam	18/06/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	5	5	5.25	1	16.25
107	040310	H' PHI RA KNUL NIÊ	Nữ	24/11/2011	TH&THCS Ama Trang Lơng	4.5	7	3.5	1	16.00
108	040058	VI GIA THẢO BYĂ	Nữ	27/06/2011	PTDTNT THCS Krông Bông	3.25	7.75	3.75	1	15.75
109	040096	H' GIA HÂN ÊBAN	Nữ	24/02/2011	THCS Lê Quý Đôn	4.25	7	3.5	1	15.75
110	040163	Y HUẤN ĔÑUÔL	Nam	15/07/2011	THCS Đoàn Thị Điểm	4	6.25	4.5	1	15.75
111	040098	H' RI ÊBAN	Nữ	03/10/2011	THCS Lê Quý Đôn	4.25	7	3.5	1	15.75
112	040103	H KƯM ÊBAN	Nữ	06/08/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	5	6	3.75	1	15.75
113	040095	BUN KHÔI ÊBAN	Nam	22/03/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	3.75	6	4.75	1	15.50
114	040357	Y LUẬN NIÊ SAH	Nam	07/05/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	2.75	6	5.75	1	15.50
115	040412	TRẦN KIM HƯỜNG TƠR	Nữ	02/01/2011	PTDTNT THCS Lắk	3.75	6.75	3.75	1	15.25
116	040042	H' ÁNH XUÂN BYĂ	Nữ	08/02/2011	THCS Huỳnh Thúc Kháng	5	5	4.25	1	15.25
117	040395	BKRÔNG H'THÙY ÊBAN	Nữ	20/06/2011	THCS Lê Lợi	4.5	7	2.75	1	15.25
118	040018	H BE AYUN	Nữ	01/01/2009	PTDTNT THCS Buôn Đôn	3.5	6.5	4.25	1	15.25
119	040184	H, JU BIN NIÊ KBUÔR	Nữ	08/08/2011	THCS Hòa Xuân	4.25	6.25	3.75	1	15.25
120	040387	Y THIÊN KỲ NIÊ	Nam	15/12/2011	THCS Lê Lợi	4	6	4.25	1	15.25
121	040112	Y KÔS ÊBAN	Nam	05/11/2011	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	4.75	6.25	3.25	1	15.25
122	040079	H' VINH DU	Nữ	15/05/2011	PTDTNT THCS Lắk	3.75	7.25	3	1	15.00
123	040463	H NINH HMOK	Nữ	13/10/2011	TH&THCS Ama Trang Lơng	4.5	7	2.5	1	15.00
124	040146	Y LY ZA HMOK	Nam	20/10/2011	TH&THCS Ama Trang Lơng	2.75	6	5.25	1	15.00
125	040306	NHƯ PHƯỢNG NIÊ	Nữ	05/09/2011	PTDTNT THCS Krông Bông	2.25	7.5	4.25	1	15.00
126	040180	H' JÊ VƠ KBUÔR	Nữ	11/02/2011	THCS Lê Quý Đôn	4.75	6.5	2.75	1	15.00
127	040138	H LƯƠNG HĐƠK	Nữ	30/03/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	4.25	7.25	2.5	1	15.00
128	040076	H LÂM LONG DING	Nữ	05/09/2011	THCS Chu Văn An	3.75	7.5	2.5	1	14.75
129	040057	NGUYỄN KIỀU THIÊN ÂN BYĂ	Nữ	07/07/2011	THCS Ea Tiêu	3	6	4.75	1	14.75
130	040379	THANH THÙY NIÊ KDĂM	Nữ	19/04/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	4.5	7	2.25	1	14.75
131	040384	H' THẢO MY AYUN	Nữ	27/07/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	3	6.5	4.25	1	14.75
132	040267	H' NA RA - NIÊ	Nữ	23/08/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	4.75	6	3	1	14.75
133	040375	Y THAN HLONG	Nam	02/12/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	4.75	6.5	2.5	1	14.75
134	040121	H' MÍU KDRAI	Nữ	02/12/2011	THCS Ea Trul	3.25	7.5	2.75	1	14.50
135	040052	H TRA BYĂ	Nữ	10/06/2008	THCS Giang Sơn	3.25	7	3.25	1	14.50
136	040413	H' TRANG KBUÔR	Nữ	15/09/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	3.5	7.25	2.75	1	14.50
137	040109	H TRANG ÊBAN	Nữ	06/03/2011	THCS Hàm Nghi	4.75	5	3.75	1	14.50
138	040204	Y HEN NI KNUL	Nam	10/08/2011	THCS Nguyễn Chí Thanh	3.75	4.75	5	1	14.50
139	040148	H' NI RA HMỐK	Nữ	14/08/2011	THCS Ea Bhôk	2.75	6	4.5	1	14.25
140	040106	H SI YONG ÊBAN	Nữ	30/06/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	4	6.5	2.75	1	14.25
141	040201	H' KHUYÊN KNUL	Nữ	21/09/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.75	6.25	2.25	1	14.25
142	040024	H' A DU RA Ê BAN	Nữ	16/04/2011	THCS Võ Thị Sáu	2.5	6.75	4	1	14.25
143	040026	H- THANH BDAP	Nữ	19/04/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	3.5	5.75	3.75	1	14.00
144	040068	H' CHU RIT HĐƠK	Nữ	15/07/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	2.75	7.75	2.5	1	14.00
145	040120	H NŨ TE H	Nữ	21/05/2011	THCS Chu Văn An	3.25	7	2.5	1	13.75
146	040183	Y KA KA ÊBAN	Nam	01/01/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	4.5	5.5	2.75	1	13.75
147	040185	H' BILLY KBUÔR	Nữ	01/06/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.25	5.75	2.75	1	13.75
148	040147	Y RIKA HMOK	Nam	23/12/2011	TH&THCS Ama Trang Lơng	4	6.25	2.5	1	13.75
149	040220	H DƯP LIÊNG	Nữ	07/02/2011	PTDTNT THCS Krông Bông	3.25	7	2.5	1	13.75
150	040251	H' YALY MLÔ	Nữ	16/08/2011	THCS Lê Quý Đôn	3.75	7	2	1	13.75
151	040360	H' SÊ NA BKRÔNG	Nữ	08/03/2011	THCS Tô Hiệu	4	6.75	2	1	13.75
152	040334	H' CÂN PHÔK	Nữ	09/07/2011	PTDTNT THCS Lắk	3.75	7.25	1.5	1	13.50
153	040150	H-THY RA HMỐK	Nữ	07/07/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	3	6.25	3.25	1	13.50
154	040268	H' NA ƯN NIÊ	Nữ	05/05/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	3.5	6.5	2.5	1	13.50
155	040179	MLÔ H HIÊN JÊ	Nữ	08/02/2011	PTDTNT THCS Lắk	3.75	6.5	2.25	1	13.50
156	040322	Y JIM NIÊ	Nam	10/04/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	3.25	5.5	3.75	1	13.50
157	040311	H HUYỀN NIÊ	Nữ	25/05/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	3.5	6.25	2.75	1	13.50
158	040356	ĐOÀN NGỌC TÂN RYĂ	Nữ	10/02/2011	THCS Võ Thị Sáu	3.75	6.75	2	1	13.50
159	040432	H LUYN UÔNG	Nữ	08/11/2011	PTDTNT THCS Lắk	4	6.5	1.75	1	13.25

160	040269	H' NAVI ADRỖNG	Nữ	02/01/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	3	7.25	2	1	13.25
161	040036	H ĐƠM HI BKRÔNG	Nữ	23/04/2011	THCS Giang Sơn	3.75	6.25	2.25	1	13.25
162	040092	Y' ĐÔ HAN HĐỖK	Nam	18/02/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	3.75	6.25	2.25	1	13.25
163	040411	NIÊ RYA TONI	Nam	01/01/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	3.75	6.25	2.25	1	13.25
164	040426	K PĂ DUY TUẤN	Nam	18/09/2011	THCS Nguyễn Trãi	4	5.75	2.5	1	13.25
165	040145	H ĐĂNG HLONG	Nữ	19/09/2011	THCS Trần Quốc Toản	3.5	5.5	3	1	13.00
166	040250	H' GAT MLÔ	Nữ	21/01/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	2.25	6.5	3.25	1	13.00
167	040299	H NHO NIÊ	Nữ	20/05/2011	THCS 19/8	3.25	5.25	3.5	1	13.00
168	040139	H HẰNG HMỖK	Nữ	29/10/2011	THCS Võ Thị Sáu	3.25	7.25	1.5	1	13.00
169	040350	H' QUYNH TRANG ÊÑUÔL	Nữ	22/05/2011	THCS Võ Nguyên Giáp	2.75	6.5	2.75	1	13.00
170	040245	H MI LAN HRA	Nữ	17/09/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	2.25	6.75	3	1	13.00
171	040186	H' JÊ RIU KBUÔR	Nữ	15/01/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	2.5	7.5	2	1	13.00
172	040461	Y VI TÂN NIÊ	Nam	01/02/2011	THCS Lê Lợi	3.75	5	3.25	1	13.00
173	040210	H' DOM KTUL	Nữ	24/03/2011	THCS Lê Quý Đôn	4.25	5	2.5	1	12.75
174	040102	H ĐÔNG Y ÊBAN	Nữ	31/08/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	3	6.25	2.5	1	12.75
175	040237	Y' LY SĔ BUÔN KRÔNG	Nam	13/03/2011	THCS Lương Thế Vinh	4.75	5.5	1.5	1	12.75
176	040027	H THẮM BDAP	Nữ	26/03/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	3.75	5.5	2.5	1	12.75
177	040354	Y RÔNY HLONG	Nam	02/01/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	2.25	5.75	3.75	1	12.75
178	040077	H MUC HY LONG DING	Nữ	23/05/2011	THCS Chu Văn An	3	5.25	3.25	1	12.50
179	040080	H TÔ NGỌC MAI DU	Nữ	23/04/2011	PTDTNT THCS Lắk	2.75	6	2.75	1	12.50
180	040462	H ZI MAI ALIÔ	Nữ	11/06/2011	THCS Trần Hưng Đạo	2.75	5.5	3.25	1	12.50
181	040123	H' THƯƠNG H'MỖK	Nữ	03/02/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	3.5	4.75	3.25	1	12.50
182	040047	H' ÑUM BYĂ	Nữ	16/11/2011	THCS Đinh Bộ Lĩnh	3.25	6.5	1.75	1	12.50
183	040442	Y- VÍ KNUL	Nam	11/09/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	2.5	5.75	3.25	1	12.50
184	040035	H' HOA BKRÔNG	Nữ	21/07/2011	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	2.75	6	2.75	1	12.50
185	040367	NIÊ Y SU VIN	Nam	16/05/2010	PTDTNT THCS Buôn Ma Thuột	2.75	6	2.75	1	12.50
186	040081	Y SINH DU	Nam	04/01/2011	THCS Chu Văn An	2.75	5.5	3	1	12.25
187	040030	H THOA BHÔK	Nữ	10/11/2011	THCS Chu Văn An	3.5	5.75	2	1	12.25
188	040401	NÕM BUÔC SONG THƯ	Nữ	23/05/2011	PTDTNT THCS Lắk	2.25	5.5	3.5	1	12.25
189	040100	H' ZULIN - ÊBAN	Nữ	03/02/2011	TH&THCS Ama Trang Lơng	2.75	6	2.5	1	12.25
190	040115	H' QUYÊN ÊÑUÔL	Nữ	10/02/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	3.75	5.25	2.25	1	12.25
191	040353	H' RING JANG NIÊ SIÊNG	Nữ	05/03/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	7	2.25	2	1	12.25
192	040118	H- GIA TRINH BYĂ	Nữ	27/11/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	2.75	5.5	3	1	12.25
193	040034	ĐOÀN ANH VI BKRÔNG	Nữ	02/08/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	2.5	6.25	2.5	1	12.25
194	040019	H'CHAT AYŨN	Nữ	15/01/2011	THCS Nguyễn Chí Thanh	2.75	6	2.5	1	12.25
195	040321	Y - BUN NHẬT NIÊ	Nam	08/05/2011	THCS Võ Thị Sáu	1.75	6	3.25	1	12.00
196	040056	H YU MI NIÊ BYĂ	Nữ	11/10/2011	THCS Hòa Xuân	3.5	6	1.5	1	12.00
197	040207	Y - PHIN KPƠR	Nam	07/02/2011	THCS Trần Hưng Đạo	3.25	6.25	1.5	1	12.00
198	040232	LUSANIÊ KSƠR	Nữ	04/11/2011	PTDTNT THCS Krông Ana	3.75	5.25	1.75	1	11.75
199	040119	H GUÊLY NIÊ	Nữ	13/09/2011	PTDTNT THCS Krông Pắc	3.75	5	2	1	11.75
200	040364	Y RU BI SIU	Nam	05/07/2011	THCS Nguyễn Trường Tộ	2.25	5	3.5	1	11.75
201	040229	H' LIP ÊBAN	Nữ	14/09/2011	THCS Trần Hưng Đạo	1.5	6	3.25	1	11.75
202	040355	H VI RYA	Nữ	24/03/2011	PTDTNT THCS Buôn Đôn	1.75	6.75	2.25	1	11.75
203	040017	H' AN RI HMỖK	Nữ	19/03/2011	THCS Tô Hiệu	3	5.75	2	1	11.75
204	040130	TÔ HUY HÀO	Nam	21/04/2011	THCS Ngô Mây	3.75	5.25	1.5	1	11.50
205	040097	H' RÍCH ÊBAN	Nữ	30/04/2011	THCS Trần Hưng Đạo	2.25	4.5	3.75	1	11.50
206	040385	H THẮM MLÔ	Nữ	22/05/2011	THCS Trần Quang Diệu	3.5	4.25	2.75	1	11.50
207	040309	H' NA SA NIÊ	Nữ	13/05/2011	PTDTNT THCS Huyện Cư Kuin	4.25	5.5	0.75	1	11.50
208	040045	H' MI - LAN BYĂ	Nữ	26/02/2011	THCS Dang Kang	3.75	6	0.75	1	11.50
209	040419	H MEN TRIÊK	Nữ	11/10/2011	THCS Chu Văn An	4.75	4	1.5	1	11.25
210	040104	H NẠP ÊBAN	Nữ	28/08/2011	THCS Hồ Tùng Mậu	4.5	5.25	0.5	1	11.25

Danh sách này gồm: 210 thí sinh